

SỐ 703

KINH ĐĂNG CHỈ NHÂN DUYÊN

Hán dịch: Đời Dao Tần, Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập.

Nếu gieo trồng một ít hạt giống thiện vào ruộng phước thù thắng, thì được hưởng cái vui nơi cảnh trời, người, sau chứng đắc Niết-bàn. Là người có trí tuệ phải nên hết lòng siêng năng tu tập nghiệp thiện. Phước điền tức là Phật. Hào quang nơi thân Phật như ánh sáng vàng ròng hội tụ, dùng công đức trí tuệ tự trang nghiêm, nên được Thiên nhân viên mãn, khéo quan sát các căn của chúng sinh. Vì thế gian u ám mà làm đèn sáng, vì chúng sinh ngu si mà làm người thân thiện. Các thiện đầy đủ, danh tiếng vang lừng, Thế Tôn Mâu-ni là chỗ nương tựa của chúng trời, người. Nếu ai đem tâm chí thành tu phước đều được phước báo.

Thuở xưa, thành Vương xá nằm giữa năm ngọn núi cũng là một trong năm thành lớn của nước Ma-già-đà. Thành Vương xá là một đô thành gồm nhiều nhà cửa sầm uất, đường sá ngang dọc thênh thang, đền đài, nhà cửa tráng lệ với vòm mái cao ngất, thoáng rộng, lan can bao quanh có rừng, hồ tuyệt đẹp, dòng nước chảy đi, chảy về giao nhau lưu chuyển. Rừng cây rậm rạp, cành lá sum suê, hoa trái đầy cành phản chiếu cả ánh sáng nhật nguyệt. Mùi hương ngào ngạt của rừng hoa, theo làn gió thổi bay đi bốn phương. Khắp cả thành, những bậc Thắng trí tu hành phạm hạnh từ xa đến đây, tất cả đều cho vùng đất này là trang nghiêm thù thắng nên tâm được hỷ lạc. Vua A-xà-thế là người trị vì ngôi thành này, ông lấy chánh pháp trị nước, dùng đạo giáo hóa nên được mọi người xa gần kính trọng, tập trung về đây sinh sống. Người người tu thiện, dân chúng trong nước đông đúc hưởng cuộc sống ấm no, an lạc.

Bấy giờ, trong thành có một Trưởng giả rất giàu có, kho tàng đầy ắp như Tỳ-sa-môn, nhưng không có con nối dõi, nên thường làm lễ cầu đảo Thần thánh để xin một mụn con. Không bao lâu, vợ ông mang thai, tròn đầy mười tháng hạ sinh một nam nhi. Túc duyên nơi đời trước của đứa bé có phước đức, nên ngày mới sinh ra, một ngón tay của nó đã phát ra ánh sáng lớn, chiếu xa mười dặm. Cha mẹ đứa bé quá vui mừng, liền thiết bày đại hội, mời thân tộc và các thầy tướng đến để đặt tên cho con. Vì ngón tay của đứa bé có hào quang nên đặt tên là Đăng Chỉ. Mọi người trong hội thấy đứa bé có tướng khác lạ nên khen ngợi là chưa từng có. Một Bà-la-môn tên Bà Tu vốn bác học đa văn thông hiểu mọi việc, thuộc lòng bốn quyển kinh Vệ-đà cũng có mặt nơi đại hội. Thấy đứa bé đáng vẻ kỳ lạ, tướng tá phi thường, nên mỉm cười nói: “Đứa bé này có thể là trời Na-la-diên, Thích Đề-hoàn nhân, hay Thiên tử của mặt trời, hoặc các Đại đức Thiên thị hiện hạ sinh.”

Cha mẹ đứa bé nghe vậy càng hoan hỷ bội phần, thiết bày đại hội bảy ngày, bảy đêm bố thí làm phước, do vậy tiếng đồn lan khắp cả nước đều nghe biết về Trưởng giả

sinh phước tử. Lời đồn tốt đẹp đã thấu đến tai vua. Nhà vua nghe vậy liền hạ lệnh triệu đưa bé vào cung, Trưởng giả vâng lệnh ẵm đưa bé vào vương cung, đúng lúc nhà vua đang có yến hội với đủ loại đàn nhạc, nên không ai bấm báo. Trưởng giả không dám vào, còn đứng ở phía trước, ngón tay của đứa bé tỏa ra ánh sáng chiếu thấu vào hậu cung, sáng chói đỏ rực, chiếu đến thân vua và sáng cả hậu cung, hết thấy mọi thứ ở đấy đều được phủ màu vàng ròng. Ánh sáng chiếu khắp vương cung giống như chìm sâu nơi biển nước mênh mông. Nhà vua lấy làm lạ hỏi:

–Ánh sáng ấy từ đâu đến, bỗng nhiên chiếu vào cung ta? Há phải là Đức Thế Tôn muốn giáo hóa chúng sinh nên đến hoàng cung chăng? Hay là Đại đức, chư Thiên, Thích Đề-hoàn Nhân, Nhật Thiên tử,... giáng hạ?

Nhà vua bèn sai người ra ngoài cổng xem sao. Người ấy ra xem rồi quay vào bẩm:

–Tâu Đại vương! Đứa bé mà Đại vương cho gọi đang đứng trước cửa. Bàn tay của nó để trên vai nữ mẫu, có một ngón phóng ra hào quang chiếu thấu đến đây, nên mới có ánh sáng này.

Vua sắc lệnh:

–Hãy mau ẵm đứa bé đến đây.

Nhà vua thấy đứa bé kỳ lạ, liền nắm tay nó xem tướng, nói:

–Lục sư ngoại đạo cho là không có nhân quả, chính là đối gạt mê lầm. Nếu không có nhân quả thì sao có đứa bé này? Từ lúc sinh đến giờ dung mạo siêu tuyệt, ngón tay tỏa ánh sáng, chiếu khắp. Lấy đó mà xét: Những kẻ ngoại đạo hãm hại chúng sinh sẽ bị đọa vào cõi ác. Theo ta nhận biết, đứa bé này không phải từ cõi trời Tự tại hóa sinh xuống, cũng chẳng phải là Thần linh tự nhiên mà có ngón tay phát ra ánh sáng, tất nhân nơi phước đức từ đời trước nên đạt được quả báo thiện, vì sớm nhận biết lời giảng nói của Phật là chân thật, không hư dối. Phật thuyết giảng về vô số nghiệp duyên, trang nghiêm thế gian, tất cả chúng sinh mắt thấy báo ứng mà không chịu tu phước, hoàn toàn là chuyện lạ.

Nhà vua nói tiếp:

–Nay ta còn nghi ngờ, không biết ánh sáng ấy do mặt trời hay là hào quang chiếu rọi của ngón tay kia, ta muốn xét kỹ sự việc này.

Sau khi mặt trời lặn, đợi đến nửa đêm, nhà vua và các quần thần đem đứa bé đặt lên lưng voi, dẫn ra phía trước, vào trong khu vườn. Ánh sáng từ nơi ngón tay của đứa bé chiếu sáng rực rỡ phá tan màn đêm, nhìn thấy chim thú, hoa quả trong khu vườn không khác gì ban ngày. Nhà vua thốt lên khen ngợi:

–Lời Phật thuyết giảng vi diệu biết bao! Ngày hôm nay tâm ta đối với nhân quả lòng tin càng thêm vững chắc và xem nhẹ các lục sư vì quá ngu tối mê muội, do đấy đối với Phật ta càng tôn ngưỡng gấp bội.

Khi ấy, Kỳ-vực thưa với nhà vua:

–Tâu Đại vương! Trong kinh Đức Phật nói: Nếu không thấy rõ nghiệp nên tham lam keo kiệt. Còn nếu thấy rõ nghiệp thì tham lam keo kiệt vĩnh viễn chấm dứt. Nay thấy Đấng Chỉ có phước báo đó, giả sử khiến bị khốn cùng khánh kiệt, vẫn còn tu nghiệp thiện, hưởng chi là giàu có mà không chịu tác phước sao?

Kỳ-vực vừa dứt lời thì trời cũng vừa sáng, mọi người dẫn Đấng Chỉ hồi cung. Nhà vua rất vui, ban tặng nhiều châu báu rồi cho phép đưa Đấng Chỉ trở về nhà.

Theo năm tháng Đấng Chỉ dần dần lớn khôn. Trưởng giả thân phụ đã dò hỏi nhiều nhà quyền quý, muốn tìm người sánh vai để cầu hôn chọn vợ cho Đấng Chỉ. Gia đình

trường giả đã giàu có lại gồm đủ các mặt như lễ giáo, gia phong, khuê môn hòa thuận, tài sản vật báu thịnh vượng. Nhưng ở đời hễ có thịnh thì có suy, hội hợp thì có biệt ly. Vợ chồng trường giả đều qua đời! Giống như mặt trời vừa lặn, ánh sáng nhường chỗ cho màn đêm. Như vầng trăng bị lu mờ khi bình minh ló dạng. Như ngọn lửa hồng lụi tàn chỉ còn lại đống tro than. Tráng kiện, sắc đẹp bị hủy hoại khi bệnh tật hoành hành. Thiếu niên, trai trẻ, sẽ bị già nua xâm nhập, mền yêu thân thể này rồi tử thần cũng đoạt mạng. Sau khi cha mẹ quá vãng, cuộc sống gia đình dần dần hao tổn, mà Đấng Chỉ thuở thiếu thời do giàu có nên xa xỉ, không giữ gia nghiệp, giao du với bạn xấu, tâm ý phóng đãng, đam mê tử sắc, tiền của tiêu phí vô độ, kho tàng dự trữ, tích chứa không còn ai lo liệu, như trăng tròn khuyết dần rồi mất hẳn.

Bấy giờ, nước này có phong tục một năm lễ hội một lần. Mọi người tập hợp, quay quần xung quanh núi. Đấng Chỉ cũng đến dự hội, anh ta ăn mặc trang sức một cách xa hoa phung phí, mang đàn nhạc, dẫn theo kỹ nữ tất cả đều lộng lẩy, không khác gì một vương giả, khiến hầu hết các người trong hội ai cũng kính nể khen ngợi. Họ cùng nhau ăn uống, vui chơi thỏa ý, trống chuông đua nhau thổi dấy, đàn ca vang lừng, cả một vùng rộng lớn hiện đầy sự nhảy múa ca hát, âm thanh vang dội gần như “lay chuyển núi lấp che hang.”

Khi bọn giặc cướp biết Đấng Chỉ đi dự hội trong thời gian chưa về, chúng bèn đến nhà anh ta rình rập, không thấy người, liền xông vào lấy hết tiền của không còn một thứ gì. Trời tối, Đấng Chỉ trở về, thấy nhà cửa bị giặc cướp vơ vét sạch, chỉ ngổn ngang cây, đá, gạch, ngói,... trước sự tình như vậy Đấng Chỉ tuyệt vọng ngã quỵ xuống đất, người nhà bên cạnh lấy nước phun vào mặt mới tỉnh lại, khóc lóc ưu sầu suy nghĩ: “Xưa cha ta đã làm nhiều công việc luôn có phương pháp thích hợp để tu trị gia nghiệp, lao nhọc tích chứa của cải vật báu đầy kho. Cha ta sinh con nuôi dưỡng lớn khôn là thấy đã có người để ủy thác, giao phó, cơ sao ta không chịu giữ gìn sự nghiệp của cha mình lại làm một kẻ đối lừa, biếng nhác chạy theo cảnh phù phiếm? Tài sản kho đụn của phụ thân chỉ trong một sớm một chiều là tan biến, trống rỗng, gia súc thì chạy tán loạn, ngó quanh quẩn trong nhà chỉ còn con ta đeo anh lạc và một vài bộ đồ, nếu đem đổi lấy miếng cơm để độ nhật trong lúc cấp thời thì cũng sẽ hết sạch, vậy làm sao đây.”

Lúc này, ánh sáng nơi ngón tay của Đấng Chỉ cũng biến mất. Vì quá túng quẫn, người vợ khinh rẻ anh ta nên đã bỏ đi, nô tỳ, tôi tớ cũng trốn hết. Thân bằng quyến thuộc, chỗ quen biết, tình cảm ngày trước luôn thắm thiết, giờ thì quay lưng, đoạn tuyệt như oán thù. Họ thấy anh ta bần cùng sợ theo nhờ vả nên trở mặt giận dữ. Vợ hãy còn ruồng bỏ hưởng chi là người đứng. Nên biết, cảnh đói nghèo giống như là địa ngục, bần cùng tạm bợ so với cái chết không khác nhau. Trước đây đời sống sung túc luôn an vui giờ gặp cảnh khốn cùng thì không còn chỗ cậy nhờ, chẳng nơi nương tựa. Lửa tâm ưu phiền đốt cháy, chất độc sâu muện càng hừng hực. Sắc diện suy hao, dung mạo tiêu tụy, chuyển đổi rõ rệt. Thân thể ốm gầy, đói khát mòn mỏi. Đôi mắt bị mờ dần, tất cả xương cốt lồi ra. Da mỏng bao bọc, gân huyết lộ bày. Đầu tóc bù xù, tay chân teo ốm. Sắc da trắng bệch hình hài bản thủ, lại không có mảnh áo che thân, nên Đấng Chỉ phải vào trong đống rác hôi thối, lượm nhặt từng miếng lớn, miếng nhỏ chấp vá để mặc, mới có thể che được tấm thân gầy. Đấng Chỉ ăn ngủ gần nơi đống rác lớn, không có giường chiếu, nhiều người thân quen cũ trông thấy mà không biết, phải lê la đi khắp các ngõ hẻm xin ăn như con quạ đói. Một hôm, Đấng Chỉ biết bên kia đường có nhà người bạn, bèn đến xin miếng cơm, bị người giữ cổng ngăn cản không cho, nhưng Đấng Chỉ không

nghe cứ rình chờ để đột nhập vào nên bị một trận đòn nhục nhã. Chủ nhà chạy ra lấy roi muốn đánh thêm, Đấng Chỉ vội cúi mình quỳ lạy van xin, chủ nhà càng khinh miệt, không đoái hoài đến tuy cũng cho vào nhà, nhưng coi anh ta không ra gì, không nói một lời, không mời ngồi, chỉ thí cho một ít thức ăn không đủ no quăng ném vào bát.

Bấy giờ, trong nước ấy có tục khi cưới vợ, sinh con, cạo tóc đều tổ chức lễ hội, Đấng Chỉ lân la đến các nơi ấy, hy vọng xin được miếng cơm thừa, nhưng đều bị khinh khi đã không hề cho ngồi, lại xua đuổi ra ngoài, cố gắng van nài lắm thì chỉ được một ít thức ăn dư đựng trong bát của bọn đầy tớ. Đấng Chỉ suy nghĩ: “Sao ta đến nông nổi này, nghèo khổ và cô độc.” Lại trầm nghĩ: “Hôm nay, tinh thần ta như bị hôn mê, tâm trí hết nhận biết được nữa. Không rõ ta bây giờ ngày xưa là hình hài gì tạo tác gì mà phải thọ thân như thế này? Sự đời khổ não cay đắng không phải là ngẫu nhiên. Ví như rừng cây không hoa nên loài ong xa lánh. Như cỏ lá bị sương móc làm héo úa, tàn rụng, ao hồ khô cạn thì chim hồng, nhạn không còn lai vãng, rừng rậm bị thiêu đốt thì đám hươu nai đâu còn lui tới, ruộng lúa cấy xong thì không còn người trâu giữ. Bây giờ ta nghèo khổ khổ khó nếu kể kể trước đây từng giàu có, thì chẳng ai tin, nói ra cũng vô ích thôi! Người đời tuy đông đảo, nhưng không ai thêm biết đến ta, do ta nghèo khổ nên tương lai mù mịt. Ví như đồng hoang lửa bốc cháy, chẳng có ai muốn ngó ngang tới. Như cây khô không còn tàng lá, nên không ai dừng chân nương bóng. Như lúa mạ bị mưa đá, sương móc làm hư hại thất thu. Như nhà có rắn độc nên mọi người xa lánh. Như thức ăn có chất độc lẫn lộn nên không có người thưởng thức. Như mồ mả hoang vắng không người trông coi. Như nhà xí dơ dáy, bẩn thỉu, đầy dẫy hôi thối. Như kẻ đồ tể bị người đời khinh ghét. Như kẻ thường trộm cắp bị mọi người nghi ngờ. Ta bây giờ cũng giống với những hoàn cảnh như vậy. Nhất cử nhất động đều bị khinh ngờ, chỗ có thể nói ra mở lời thì chỉ thêm lỗi, nói ra có đúng họ cũng cho là sai, tạo nghiệp thiện thì cũng cho là làm điều xấu. Đôi khi lợi dụng được chút thời cơ để nhanh chân thì lại bị chê khinh là vội vã, hấp tấp, nếu được lúc thanh thoi, thì bị quở là cái thứ đáng bỏ đi, nếu mở miệng khen ngợi thì bảo là dua nịnh, còn như không khen thì bị dè bủ: “Hạng người bần cùng đó thường không có lời hay.” Nếu có lời chỉ dạy thì bị mắng là đối gạt theo sự hiểu biết của các bậc Trưởng thượng, kỳ cựu, còn nói năng có chút hoạt bát thì bảo nhiều lời. Hoặc im lặng không nói thì cho là ẩn tình. Còn nói năng thẳng thắn thì bảo là thô lỗ cộc cằn. Nếu cầu theo ý người, lại cho là dua nịnh, quanh co. Nếu có ý định thân cận nương tựa thì bảo là huyền hoặc. Còn như không gần gũi thì nói là kiêu mạn ngông lão. Nếu thuận theo lời nói của người khác thì bảo là “giả vờ giữ lấy ý người.” Còn không tùy thuận thì nói là tự chuyên. Hoặc cần phải “ôm chân núp bóng” thì bị mắng là khiếm nhược, ty tiện. Nếu không ngã theo ý họ, thì bị mắng là bần cùng mà còn có tự ngã. Còn tự ý phóng khoáng một chút thì cho là kẻ ngu si không biết dè dặt. Nếu mình khiêm tốn, thì họ nói: “Hắn không thô lỗ như thế chẳng qua là trá hình tướng đảng hoàng, chín chắn.” Nếu lại vui vẻ, an nhàn đôi chút thì họ dùng lời mắng nhiếc: “Hình tướng ấy khác nào thằng điên.” Còn như buồn thảm thì bảo: “Vậy là từ trước tới nay tâm nó không bao giờ vui, là thứ ngậm độc.” Nếu nghe theo lời người khác nói thì bảo là: “Hắn bị sai khiến là lấy ngu thay trí nên chịu nhiều hổ thẹn.” Nếu im lặng thì lại nói là ngu xuẩn, không biết đạo lý. Nếu ít tranh luận biện bạch thì là nói không tin tội phước. Như có tìm tòi thì bảo là: “Tùy tiện mà được chứ không biết liêm sỉ.” Nếu không đòi hỏi thì lại nói “Nay tuy không cầu, nhưng sau này sẽ mong muốn nhiều hơn.” Nếu dẫn chứng kinh sách để nói thì bảo giả vờ thông minh. Còn như nói lời mộc mạc thì lại khinh chê là khờ khạo, ngu

độn. Nếu luận bàn rõ về sự thật thì lại bảo là nói năng ồn ào. Còn chỉ thì thầm việc riêng tư, dù có nói lời đúng đắn cũng cho là gièm pha, nịnh hót. Nếu mặc áo mới thì nói mượn đồ để trang sức. Còn mặc áo rách thì lại chế giễu là nghèo hèn thấp kém. Nếu ăn uống nhiều thì nói là đói khát, tham ăn. Còn như ăn uống ít thì bảo: “Trong bụng thực ra là đói mà giả vờ từ tốn.” Nếu nói bàn về kinh luận thì bảo: “Hắn muốn hiển bày cái hiểu biết của mình, ý phô trương ta đây không hề ngu muội.” Còn như không nói về kinh luận thì bảo là đồ ngu tối không biết gì, đáng cho đi chăn bò. Nếu kể lể về sự nghiệp ngày xưa thì nói tự đề cao là khoác lác. Còn như im lặng thì nói gia môn tài sản của nó đúng là đã cạn kiệt.”

Những người nghèo khổ đi, đứng, qua lại, nói năng, ngẩng lên cúi xuống hết thảy là lỗi lầm, sai sót. Còn người giàu sang thì nhất cử nhất động làm việc gì cũng đều đúng, nếu có gây ra những điều phi pháp cũng không có tội. Người bần cùng như cây quỳ di chuyển khiến tất cả đều sợ; như gặp bệnh nan y khó có thể trị liệu. Như nơi hoang vắng, nguy hiểm, tuyệt nhiên không có một chút nước uống hay ngọn cỏ. Như rơi vào biển lớn, chìm đắm trong vô số lớp sóng cuộn cuộn. Như người bị ấn yết hầu hơi thở không phát ra được. Như đôi mắt bị nhắm, không biết chỗ hướng đến. Như đồng rác uestap cao dày khó có thể tẩy, khử. Như oan gia tuy cùng nhau sinh hoạt, nhưng không bỏ được tâm ác. Như vào mùa hè giếng nước khô cạn, nếu rơi xuống sẽ bị chết ngộp. Như vào trong đầm lầy sâu lún không thể bước ra. Như núi lở, nước chảy ào ạt. Như gió lốc thổi tràn cây cối bị gãy đổ. Nghèo khổ cũng như thế. Những khổ cực nơi bần cùng đều có thể hủy hoại: Sắc đẹp, trai tráng, khí lực, danh tiếng, chủng tộc, nhà cửa, trí tuệ, trì giới, bố thí, hổ thẹn, nhân nghĩa, tín hạnh, uy dũng, ý chí đều mất hết. Lại sinh ra đói lạnh, oán ghét, thô lỗ, hẹp hòi, sâu muộn, độc ác, oán trách, mắc tội, những cái khổ như vậy đều từ bần cùng sinh ra. Ví như chỗ cất giấu có nhiều thứ tạp vật, nên núp giấu bên trong cái nghèo cùng là thân tâm có đủ loại khổ não. Phàm là người giàu sang thì oai đức cao quý, dung mạo đàng hoàng, tâm ý độ lượng, quảng đại, khoan dung, lễ nghĩa đủ đầy, có thể sinh trí dũng, tăng trưởng gia nghiệp, quyến thuộc hòa thuận, tiếng lành đồn xa. Đấng Chỉ suy nghĩ: “Ta nay quá nghèo khổ ở đời không ai hơn nữa, đã không thể tự sát để bỏ thân này, vậy phải có phương pháp gì để tạo sự sống còn.” Lại nghĩ: “Người đời luôn tệ bạc! Bất quá ta đi vác tử thi, việc đó tuy đồng hàng với việc ác nhưng đời sau không thọ nghiệp khổ, còn hơn là làm những việc khác như sát sinh, hay những điều bất thiện. Cứ theo ý nghĩ này mà xin làm công việc vác xác ấy.”

Bấy giờ, có người nghe Đấng Chỉ xin việc làm, nên thuê vác xác chết. Đấng Chỉ nhận lời, theo như người hướng dẫn vác một xác chết đến nghĩa địa, tới nơi Đấng Chỉ muốn ném xuống, nhưng xác chết lại ôm lấy Đấng Chỉ, ghì chặt không gỡ ra được, như đứa bé ôm lấy cha mẹ. Đấng Chỉ cố gắng hết sức để bung chạy nhưng cũng không thể thoát thân. Thân chết bấu xương sống như chất keo gắn buông chẳng được, tháo không ra. Đấng Chỉ quá sợ hãi, suy nghĩ: “Bây giờ ta tìm đến chỗ nào đó để nhờ kẻ khác cứu mình.” Bèn vội vã chạy vào thôn Chiên-đà-la, la lên:

–Nếu ai có thể gỡ giùm thân chết trên lưng tôi, tôi sẽ trả tiền giá gấp đôi.

Những người Chiên-đà-la nghe rõ, tất cả cùng xúm lại kéo thân chết, nhưng cũng không ra. Có một người đứng ngoài thấy thế mắng Đấng Chỉ:

–Thằng điên, hà cớ gì vác thân chết chạy vào thôn xóm người ta.

Rồi họ xúm nhau lấy cây đánh, lượm đá ném. Thân thể Đấng Chỉ đầy thương tích, đau đớn xen lẫn sợ hãi. Có người thương xót, đưa anh đến thành. Vừa đi tới dưới cổng

thành thì người giữ cửa ngăn lại, đánh Đấng Chỉ không cho đến gần cửa. Đâu có ai ngu si gì mà vác tử thi đi vào thành? Đấng Chỉ nhìn lại thân phận mình, thân thể đầy thương tích do gậy gộc. Trần trề ảo não Đấng Chỉ khóc lớn, nói:

–Ta chính vì miếng ăn nên phải làm việc thô bỉ này, hôm nay bỗng nhiên gặp khổ lớn. Cũng vì bần khốn, không tìm được việc làm, vì vậy phải làm nghề đê tiện ấy. Mình chỉ mong kiếm tiền lấy đó để tự sinh nhai, sao mới một ngày lại gặp chuyện cay đắng? Nhưng thà vác xác chết khác chớ không chịu mang mãi thân sống.

Vừa khóc vừa kể lể, người giữ cổng quá cảm động nên cho Đấng Chỉ trở về nhà. Bản thân không nhà, nên trước tiên xin ăn cùng những người nghèo khổ, sống chung với họ, nhưng khi trông thấy xác chết trên lưng anh ta, tất cả đều bỏ đi. Về đến nhà rồi thì thân chết tự rớt xuống đất, khi ấy Đấng Chỉ càng thêm khiếp sợ, sầu muộn tuyệt vọng ngã quy xuống đất, hồi lâu mới tỉnh lại, thấy thân chết kia cả cánh tay thuần là vàng ròng. Tuy còn sợ nhưng thấy màu vàng ròng đẹp, liền đến bên cạnh thân chết lấy dao chém thử thì đúng là vàng ròng thật. Được vàng, Đấng Chỉ lòng vui mừng bèn dùng dao cắt đầu, tay, chân, vừa cắt xong trong khoảnh khắc thì tay, chân, đầu bằng vàng lại mọc ra như cũ y hệt con người lúc trước.

Như ông vua mất nước, trở lại ngôi vị. Như người mù, nay mắt lành thấy được ánh sáng. Như nhớ thương người con gái nọ lâu ngày, nay gặp nhau, giao hoan. Như người học thiền bỗng nhiên được chứng đạo. Đấng Chỉ hiện tại vui mừng cũng như thế. Đấng Chỉ có kho tàng châu báu nhiều hơn trước gấp bội, oai đức danh tiếng hơn ngày xưa. Họ hàng, bằng hữu, vợ con, tôi tớ tất cả đều trở lại. Đấng Chỉ than:

–Chao ôi! Quái lạ thay, giàu có tột đỉnh nhiều uy lực nên có thể sai khiến người ta mau chóng quay về. Còn nghèo hèn thì cũng có thể làm cho những người thân lệ làng bỏ đi. Trước đây ta bần hàn, thăm hỏi người thân thiết, họ đoạn tuyệt giao du, hầu như không một ai thêm nói chuyện với ta. Hôm nay, tất cả đều nghiêm chỉnh vâng lời, chấp tay cung kính. Giả sử sinh nơi như Đế Thích, dũng lực như La-ma, thấy biết như Thiên sư, nếu không có tiền tài thì cũng không được như vậy. Ai giàu có, không cần biết là trí hay ngu đều tôn xưng họ là tốt. Nếu thực chất họ không biết gì, thì người đời cứ cho là trí, cũng được oai thế, nhiều danh thơm tiếng tốt. Mặc dù già nua, xấu xí nhưng cũng có phụ nữ trẻ đẹp yêu mến, cận kề người ấy.

Bấy giờ, nghe Đấng Chỉ giàu sang trở lại vua A-xà-thế liền hạ lệnh cho người đến thâu giữ tất cả tài sản của Đấng Chỉ, chỉ còn mỗi một thân chết họ ném bỏ lại trong nhà. Nhưng xác chết lại biến thành vàng thật, Đấng Chỉ biết vua muốn được bảo vật này, liền lấy đầu, tay, chân bằng vàng đem dâng cho vua. Nhà vua được vàng rồi hồi cung. Sau đó, Đấng Chỉ suy nghĩ nói kệ:

*Năm dục dễ lay động
Như ánh chớp, rấn độc
Sang giàu chẳng dừng lâu
Nên sinh tâm chán bỏ.*

Đấng Chỉ lấy châu báu bố thí cho mọi người, đoạn xuất gia cầu đạo theo giáo pháp của Như Lai, tinh tấn tu tập chứng đạo quả A-la-hán. Tuy đắc đạo quả nhưng cái xác bằng vàng cứ ám ảnh mãi.

Một hôm, có vị Tỳ-kheo hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Tỳ-kheo Đấng Chỉ từ khi sinh đến nay có ngón tay phát sáng? Vì nhân duyên gì phải chịu cảnh nghèo khổ? Và vì nhân duyên gì

mà có thầy bằng vàng thường theo ám ảnh?

Phật bảo:

–Này Tỳ-kheo! Hãy chí tâm lắng nghe, ta sẽ vì ông nói rõ về túc duyên đó!

Vào thời xa xưa, Tỳ-kheo Đăng Chỉ sinh tại nước Ba-la-nại, trong gia đình Đại trưởng giả, lúc nhỏ lấy xe ra ngoài dạo chơi, chiều tối mới trở về thì cửa bên ngoài nhà đã đóng, bèn gọi lớn: “Mở cửa!” nhưng không một ai ra mở cửa. Hồi lâu, người mẹ mới ra mở cửa cho con, Đăng Chỉ giận dữ mắng người mẹ: “Cả nhà đi vác thầy chết rồi hay sao, hoặc là bọn cướp đến giết cả nên chẳng có mạng nào ra mở cửa cho tôi.” Do nghiệp duyên đó nên Đăng Chỉ sau khi chết bị đọa vào địa ngục, lúc sinh trở lại làm người, dư báo của nghiệp cũ còn lại nên phải thọ nhận cảnh nghèo khổ ấy. Còn chuyện ánh sáng nơi ngón tay và thầy chết bằng vàng ta sẽ nói cho ông nghe:

Thời quá khứ, chín mươi một kiếp về trước có vị Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi, giáo hóa độ sinh rồi nhập Niết-bàn, chánh pháp trụ mãi ở đời. Bảy giờ, Đăng Chỉ là một Đại trưởng giả, gia đình rất giàu có. Một hôm, Đăng Chỉ đi chùa tháp để cung kính lễ bái, nhân thấy một pho tượng bằng đất gãy rớt một ngón tay. Đăng Chỉ bèn lượm ngón tay ấy sửa lại và lấy vàng lá thếp lên pho tượng kia, đoạn phát nguyện: “Tôi xin dùng hương hoa, kỹ nhạc để cúng dường và nhờ công đức tu sửa tượng này, xin nguyện: Nếu được sinh lên cõi trời hay sinh vào cõi người luôn được ở chỗ giàu có tôn quý, còn giả như bị rơi rớt thì vẫn được trở lại như vậy, lại khiến tôi ở trong giáo pháp của Như Lai xuất gia tu tập đắc đạo.”

Vì Đăng Chỉ tu bổ ngón tay nơi tượng Phật và thếp vàng pho tượng ấy nên được phước báo ngón tay có hào quang và được tử thi toàn vàng. Còn do ác khẩu nên khi ra khỏi địa ngục thì bị quả báo bần cùng.

Khi Đức Phật thuyết giảng kinh về chuyện Đăng Chỉ, có chư Thiên, dân chúng tung rải các loại hoa, tấu nhạc trời, chư Thiên cúng dường xong thì trở về thiên cung. Đó là nhân duyên đối với hình tượng Phật chỉ gieo trồng một ít phước nghiệp mà chỗ phước báo đạt được là rất lớn, cho đến chứng đắc quả vị Niết-bàn. Tu sửa hình tượng Phật hãy còn như thế huống gì là đối với Pháp thân của Như Lai? Ở nơi giáo pháp của Phật mà tu hành đúng như lời chỉ dạy thì công đức đó là không hạn lượng. Nếu muốn sinh lên cõi trời, hay làm người, thọ hưởng những hạnh phúc thì phải chí tâm lắng nghe pháp. Còn Đăng Chỉ phải thọ quả báo đại khổ là do ác khẩu. Phải nên sợ hãi mọi sự khổ não, xa lìa ác khẩu, các nghiệp bất thiện. Theo đấy mà xét tất cả vinh hoa phú quý nơi người đời không nên tham đắm, còn đối với sự tôn quý của chư Thiên cũng chẳng nên ham thích. Nên biết bần cùng là hội tụ của những khổ lớn, muốn đoạn trừ bần cùng thì không nên tham lam, keo kiệt. Như lời trong kinh dạy: “Người bần cùng là đại khổ.”

□